



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Sách và Thiết bị trường học Quảng Ninh

Ngày 30/09/2025	29,800 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	5.3%	-9.7%	0.4%

DT thuần Q3/25
39.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼29.5 -43.1%
YoY: ▼24.9 -39.0%

LN thuần Q3/25
-3.36
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.65 -247%
YoY: ▼0.33 -10.8%

LN sau thuế Q3/25
-3.01
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.21 -237%
YoY: ▼0.27 -9.8%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
-7.2%
YoY: +/-▼ 11.2%

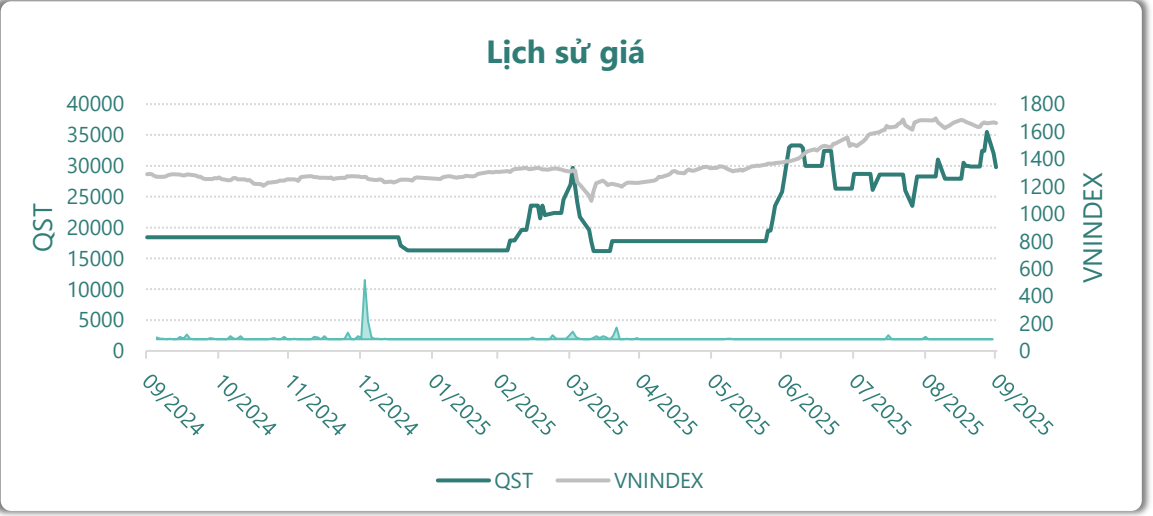
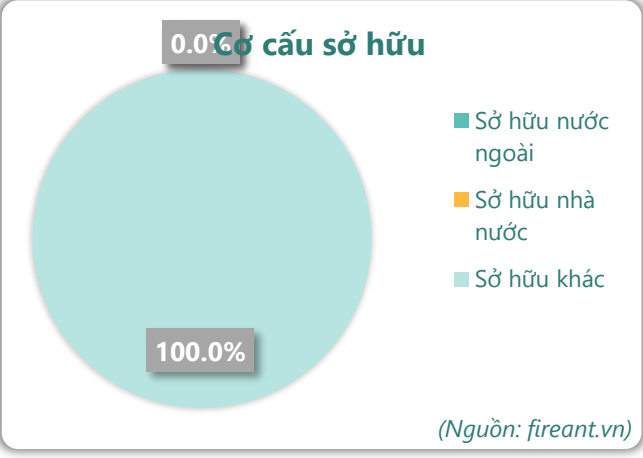
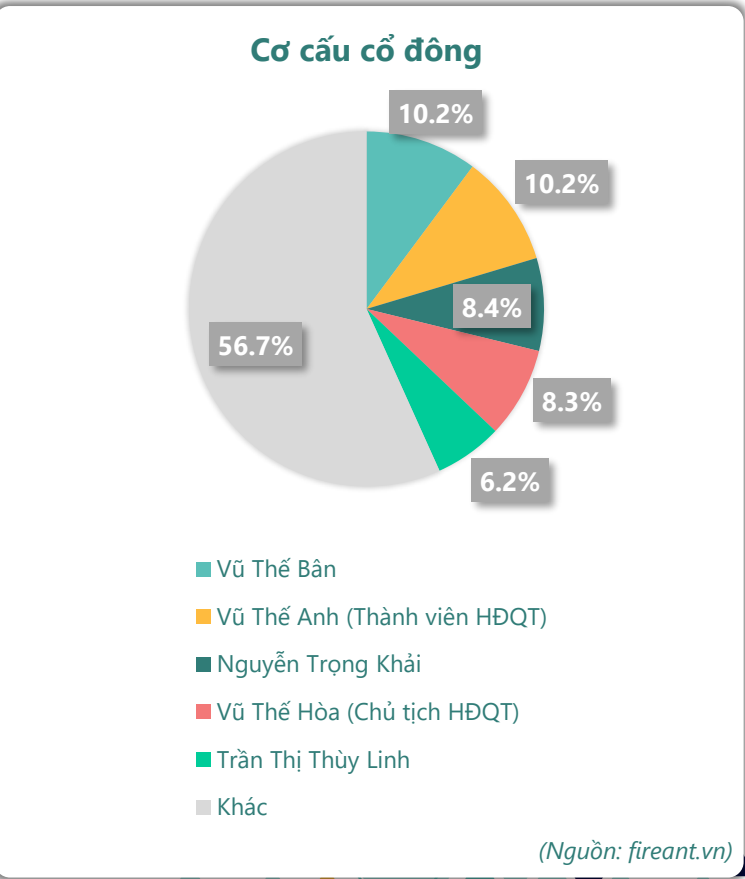
ROE (TTM) Q3/25
28.8%
YoY: +/-▲ 1.2%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	16,182 - 35,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	97
Số lượng CPLH (CP)	3,240,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	115
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.86
EPS	3,940
P/E	7.6

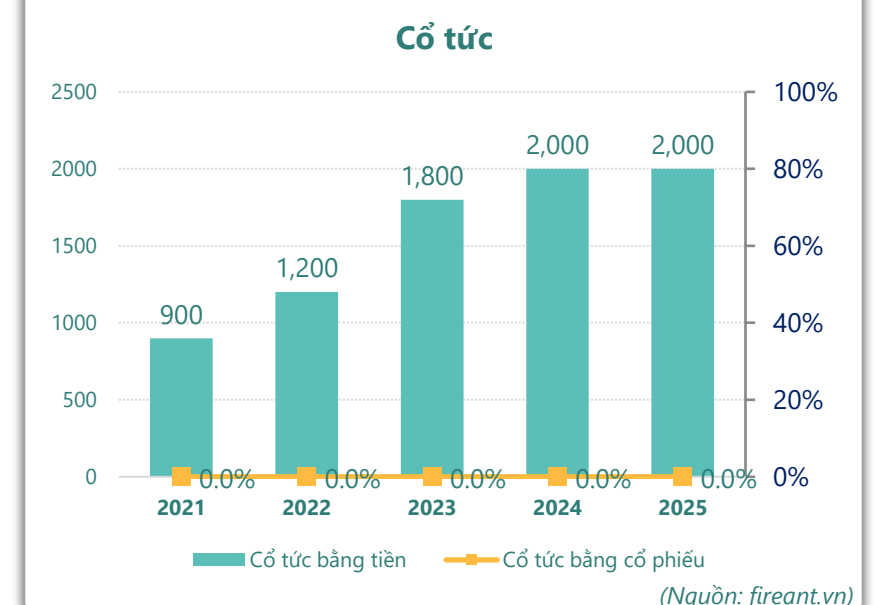
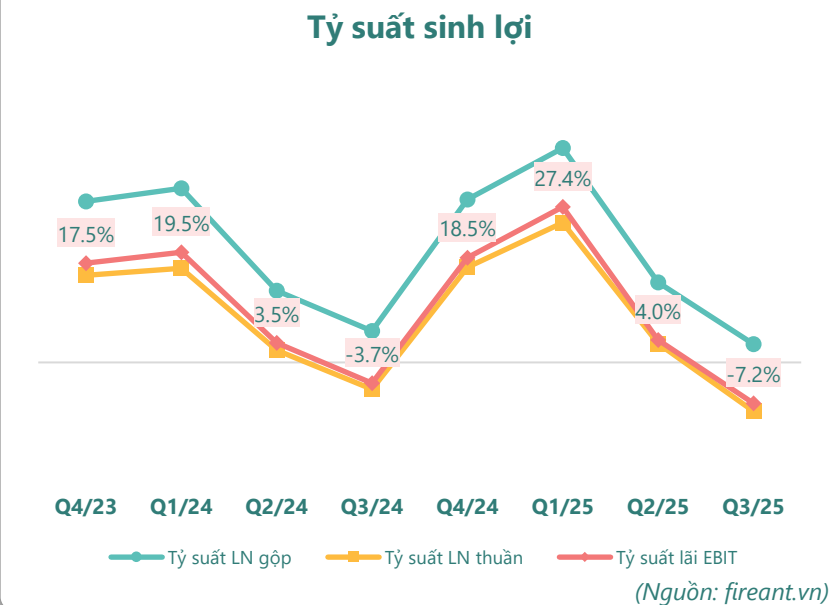
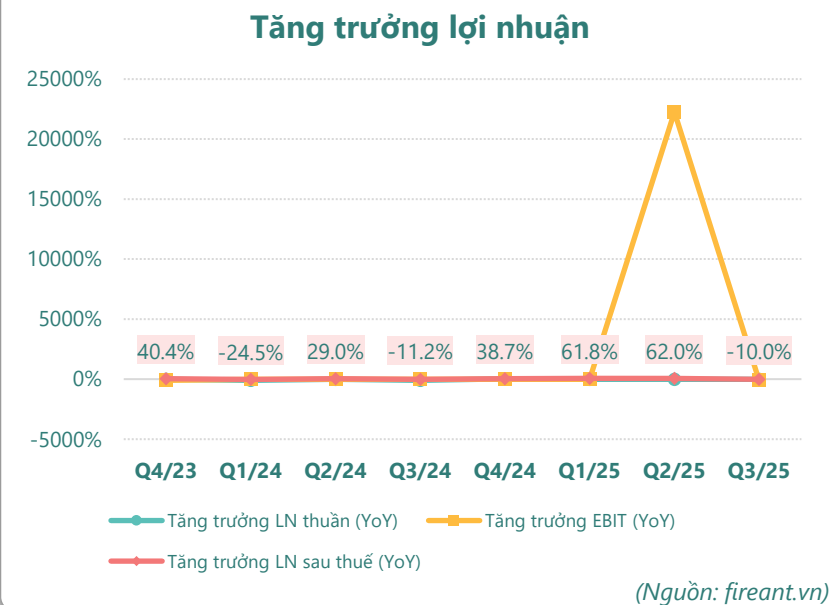
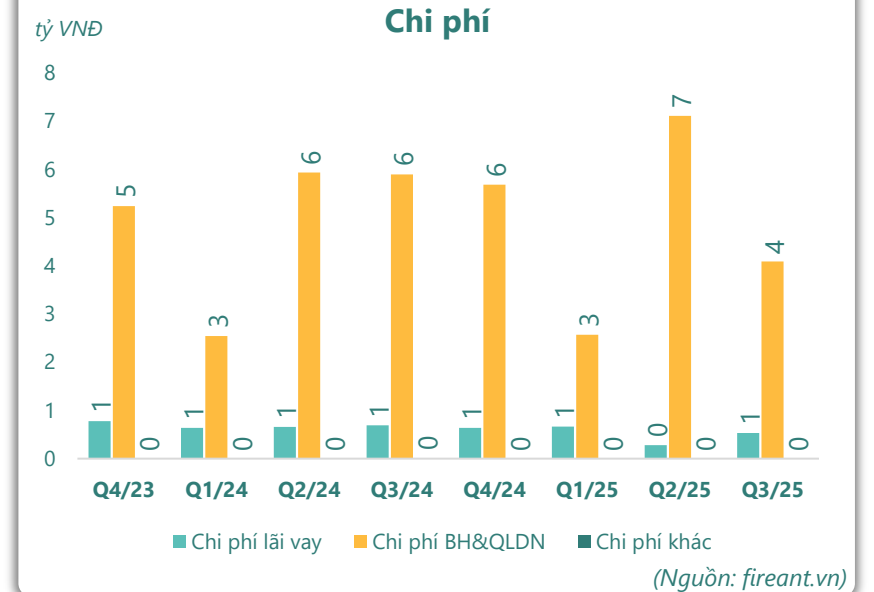
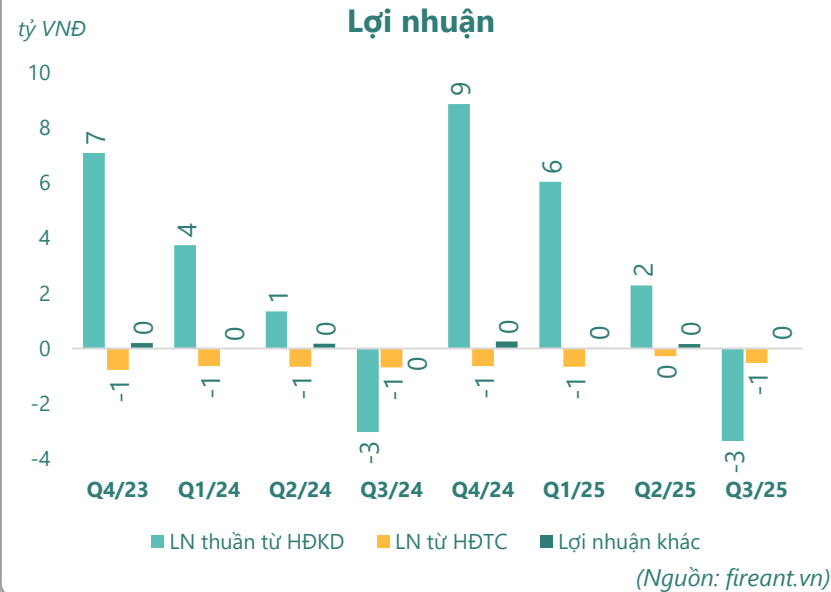
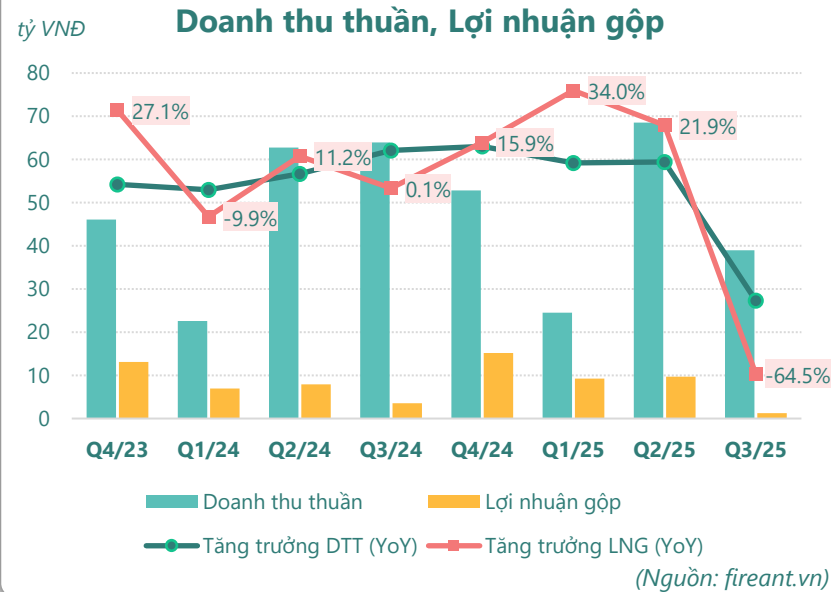
DT thuần 9T 2025
132
tỷ VNĐ
YoY: ▼17.0 -11.5%

LN thuần 9T 2025
4.99
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.93 142%

LN sau thuế 9T 2025
4.66
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.66 133%



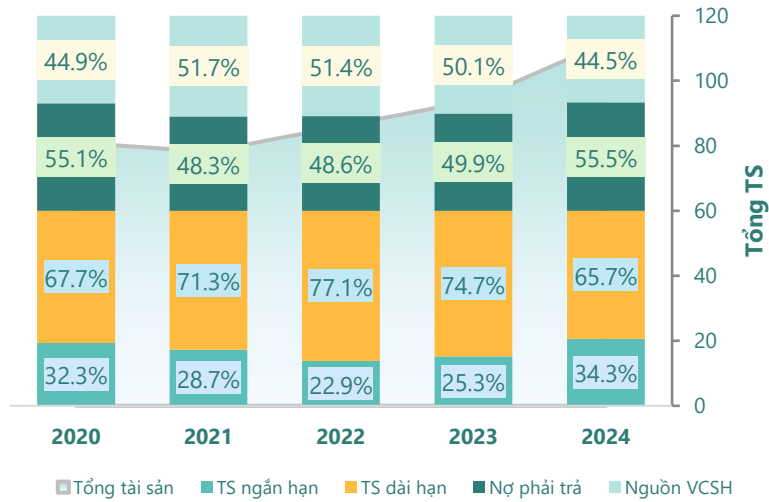
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

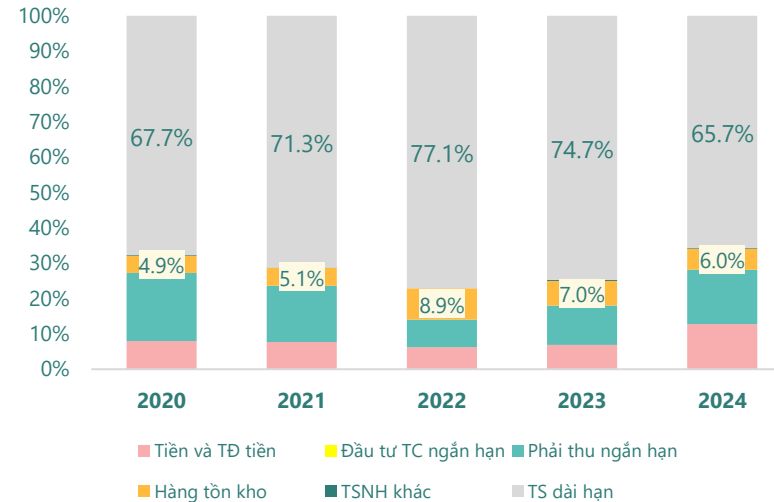
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

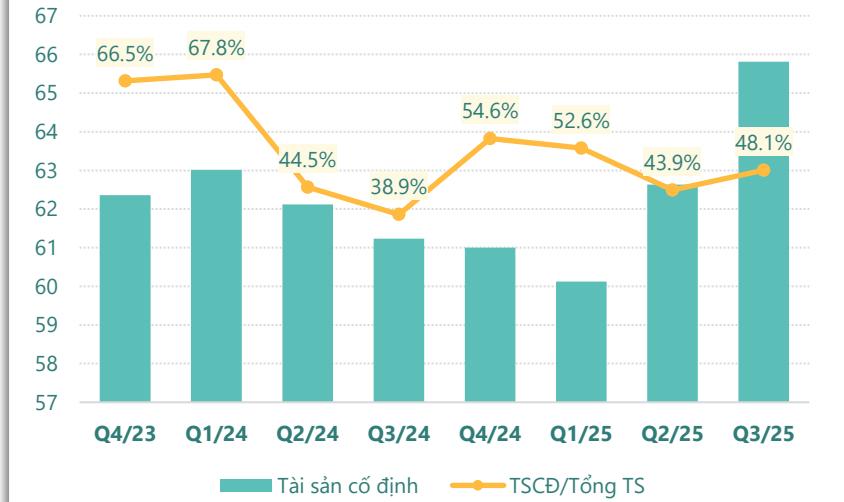
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

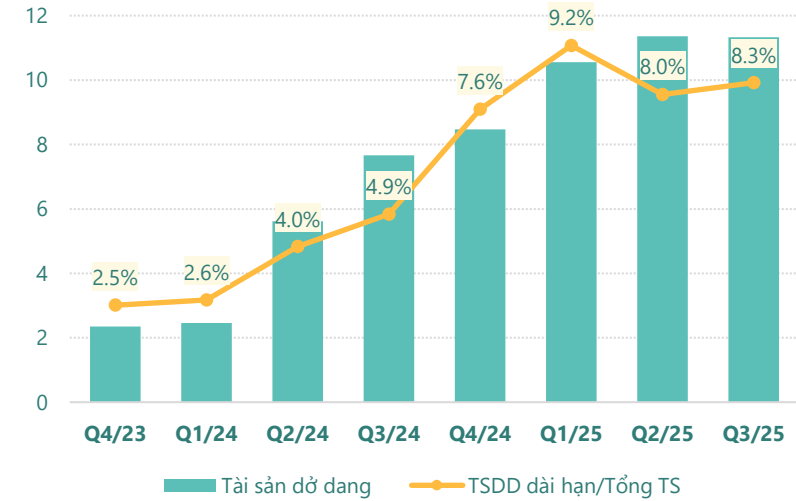
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

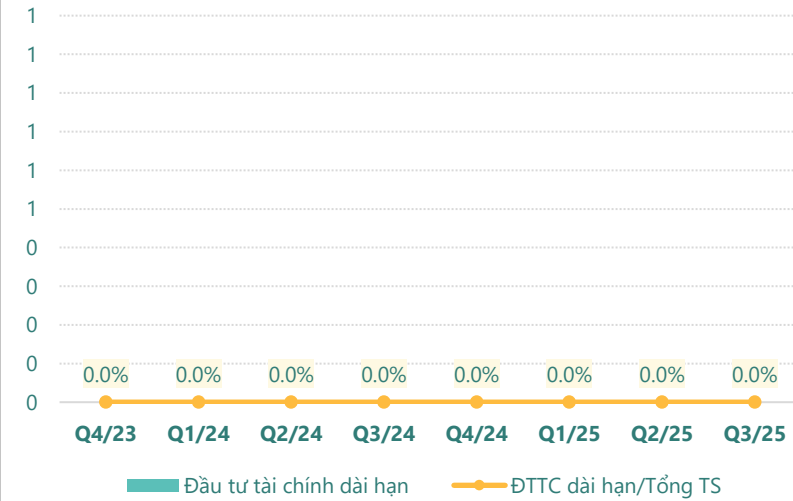
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

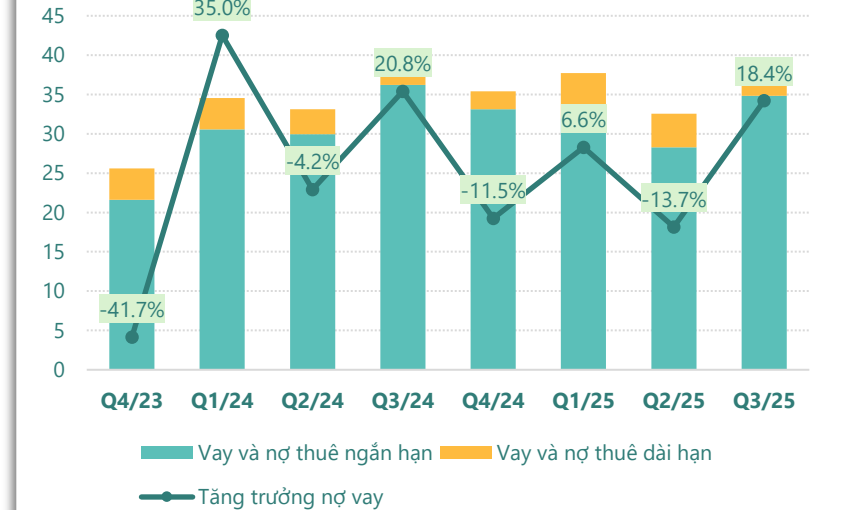
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ

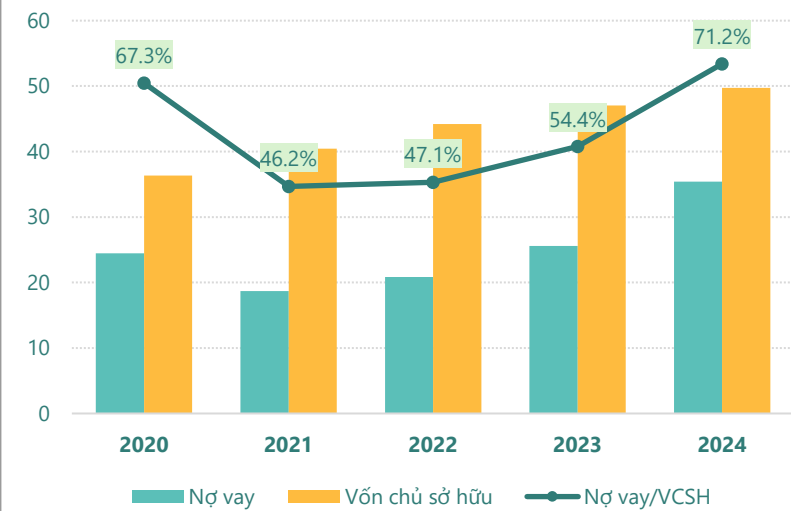


(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

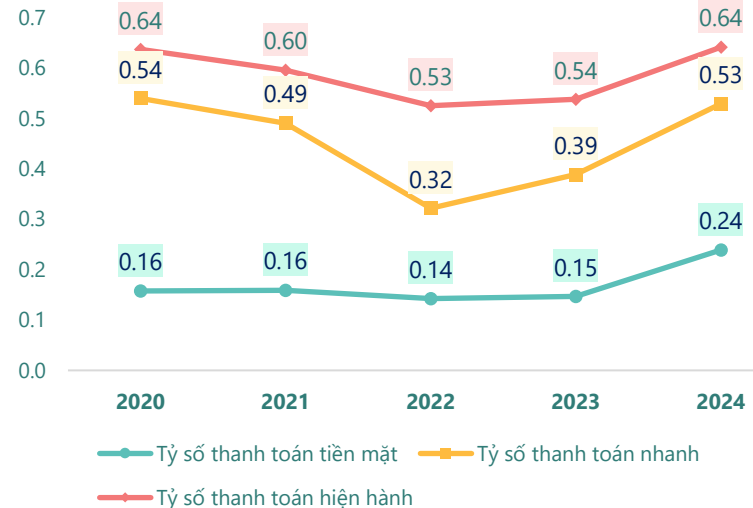
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



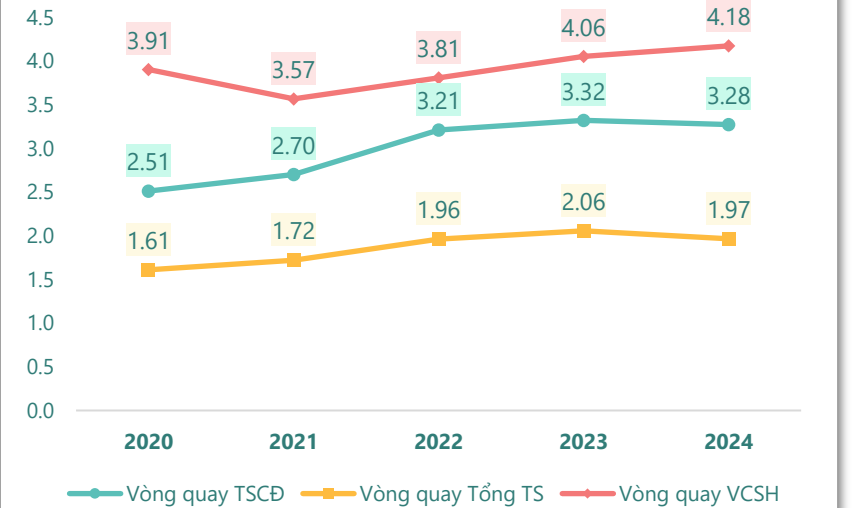
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



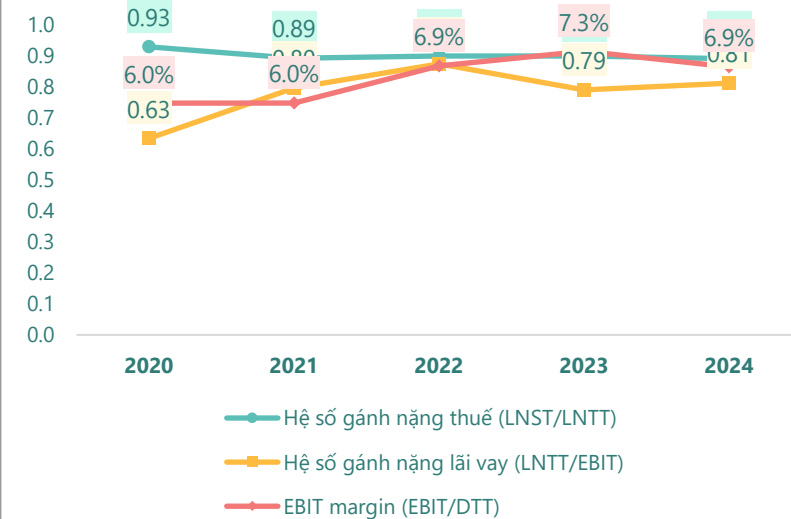
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



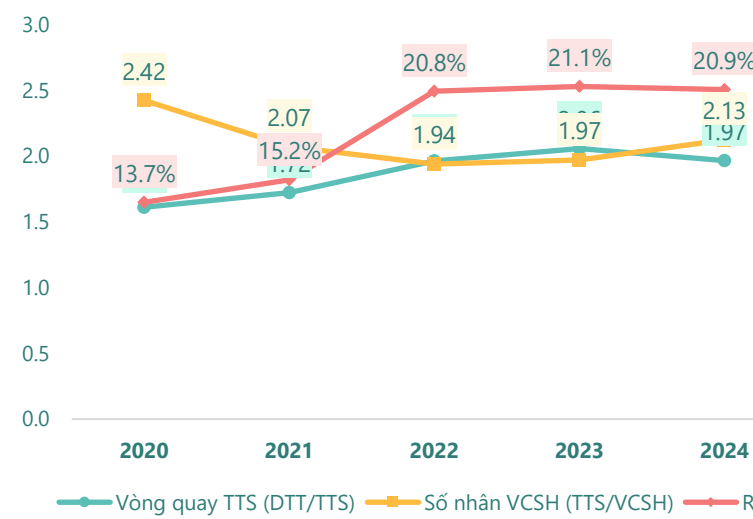
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



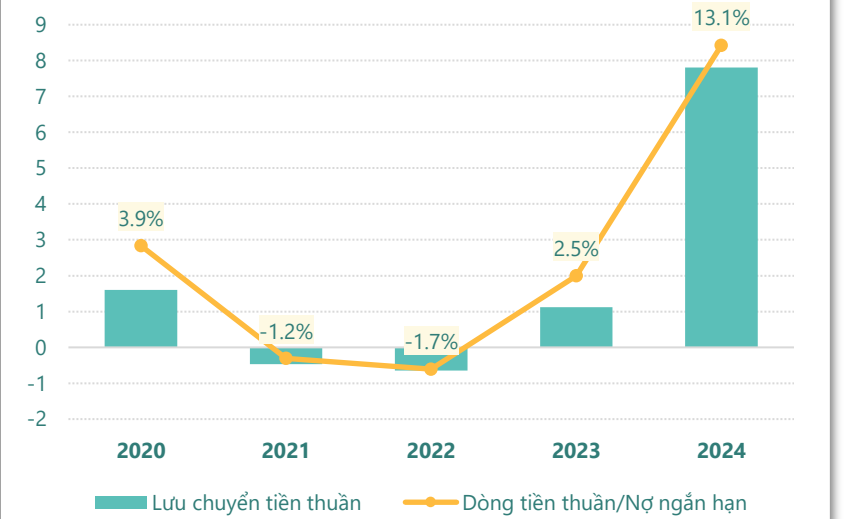
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)



KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	39.0	63.9	-39.0%	132	149	-11.5%
Giá vốn hàng bán	37.7	60.4	-37.6%	112	131	-14.5%
Lợi nhuận gộp	1.26	3.55	-64.5%	20.2	18.4	9.8%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.01	0.01	12.7%
Chi phí TC	0.53	0.69	-23.2%	1.48	1.99	-25.7%
Chi phí lãi vay	0.53	0.69	-23.2%	1.48	1.99	-25.7%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	2.56	3.03	-15.5%	8.46	8.57	-1.3%
Chi phí QLDN	1.53	2.87	-46.8%	5.31	5.81	-8.6%
LN thuần từ HĐKD	-3.36	-3.03	-10.8%	4.99	2.06	142%
Lợi nhuận khác	0.02	-0.01	250%	0.19	0.16	18.7%
LN trước thuế	-3.34	-3.04	-9.9%	5.18	2.22	133%
Lợi nhuận sau thuế	-3.01	-2.74	-9.8%	4.66	2.00	133%
LNST của CĐ cty mẹ	-3.01	-2.74	-9.8%	4.66	2.00	133%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	8.01	-5.24	18.2	-9.10	13.0	8.03
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-4.52	-1.92	-1.54	-1.23	-5.26	-4.81
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-7.91	6.88	-6.43	0.46	-9.78	1.01
Tiền đầu kỳ	8.77	4.35	4.07	14.3	4.41	2.35
Lưu chuyển tiền thuần	-4.42	-0.28	10.2	-9.87	-2.07	4.22
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	4.35	4.07	14.3	4.41	2.35	6.57

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	137	112	22.5%
Tài sản ngắn hạn	55.7	38.3	45.3%
Tiền và tương đương tiền	6.57	14.3	-54.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	35.2	17.1	106%
Hàng tồn kho	13.7	6.72	105%
Tài sản ngắn hạn khác	0.13	0.19	-33.5%
Tài sản dài hạn	81.3	73.4	10.7%
Phải thu dài hạn	0.05	0.15	-65.7%
Tài sản cố định	65.8	61.0	7.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	11.3	8.47	33.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	4.08	3.82	6.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	90.1	62.1	45.1%
Nợ ngắn hạn	86.3	59.8	44.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	34.8	33.1	5.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	36.9	7.57	387%
Nợ dài hạn	3.75	2.30	63.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	3.75	2.30	63.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	46.9	49.7	-5.7%
Vốn chủ sở hữu	46.9	49.7	-5.7%
Vốn điều lệ	32.4	32.4	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

